

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số tài khoản:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|--|--|--|--|--|--|
| 0 | 1 | 7 | C | | | | | | |
|---|---|---|---|--|--|--|--|--|--|

 / SBS

Hôm nay, ngày ___/___/ 20__ tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng Khoán SBS, chúng tôi gồm:

BÊN A: KHÁCH HÀNG

- Tên tổ chức :
- Giấy phép thành lập số: cấp ngày: ___/___/___ tại:
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Số điện thoại:.....
- Người đại diện theo pháp luật:
- CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Chức vụ:

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS (SBS)

- Trụ sở: 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84.28) 62686868 Fax: (84.28) 39325665
- Giấy phép hoạt động số:109/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/01/2010
- Giấy phép điều chỉnh số: 39/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/08/2017 và Giấy phép điều chỉnh số: 62/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/08/2022 và Giấy phép điều chỉnh số: 11/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 19/01/2023
- Do Ông(Bà): Chức vụ: làm đại diện.
- Số CCCD: ngày cấp nơi cấp
- Theo giấy ủy quyền số 05/2023/QĐUQ-TGD ngày: 01/03/2023

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng Mở Tài khoản Giao dịch Chứng Khoán (Hợp đồng) với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Luật điều chỉnh

Hợp đồng này thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Hai bên trong hợp đồng cam kết tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật:

- Bộ Luật Dân Sự Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hiện hành;
- Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp quy khác có liên quan.

Điều 2. Mục đích hợp đồng

Theo hợp đồng này, Bên A đề nghị mở tài khoản tại Bên B để thực hiện giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là tài khoản) đứng tên Bên A theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 3. Hình thức giao dịch chứng khoán

Giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

- 3.1** Giao dịch chứng khoán trực tiếp: Là hình thức đặt/nhận lệnh giao dịch chứng khoán bằng văn bản được tiến hành trực tiếp tại quầy giao dịch của Bên B thông qua Phiếu Lệnh (theo mẫu của Bên B) hoặc một hình thức văn bản khác do Bên B phát hành trong từng thời kỳ;
- 3.2** Giao dịch chứng khoán gián tiếp: Là hình thức đặt/nhận lệnh giao dịch chứng khoán thông qua việc ứng dụng các phương tiện, kỹ thuật trung gian như điện thoại, email, fax, giao dịch trực tuyến (STrade), internet, ETS, Bloomberg.

Điều 4. Hình thức giao dịch chứng khoán trực tiếp

Hình thức giao dịch này dành cho tất cả các đối tượng khách hàng của Bên B và khi chọn hình thức giao dịch này Bên A cần tuân theo các quy định sau:

- 4.1** Khi đặt lệnh giao dịch chứng khoán, Bên A ghi đầy đủ các thông tin trên Phiếu lệnh (theo mẫu của Bên B) và nộp tại quầy giao dịch của Bên B.
- 4.2** Nhân viên giao dịch của Bên B sẽ kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu lệnh và ký xác nhận.
- 4.3** Theo Hợp đồng này, Phiếu lệnh có chữ ký hai bên được hiểu là giấy xác nhận Lệnh giao dịch của Bên A hợp lệ theo quy định của Bên B.

4.4 Bên A có thể đặt lệnh giao dịch chứng khoán trực tiếp bằng cách ủy quyền hợp lệ bằng văn bản cho bên thứ ba khác. Trong trường hợp này chữ ký của người thụ ủy của Bên A trên Phiếu lệnh cũng được xem là phát sinh giao dịch đặt lệnh từ Bên A.

Điều 5. Hình thức giao dịch chứng khoán gián tiếp

5.1 Hình thức giao dịch chứng khoán gián tiếp bằng điện thoại, fax, email, Internet, giao dịch trực tuyến (STrade), ETS, Bloomberg được dành cho khách hàng là tổ chức;

5.2 Để thực hiện đặt lệnh qua các hình thức giao dịch chứng khoán gián tiếp nêu trên Bên A phải tuân thủ các quy định và yêu cầu như sau:

- Khi Bên A đăng ký tham gia giao dịch chứng khoán bằng hình thức gián tiếp sẽ được Bên B cung cấp số tài khoản chứng khoán, mã số giao dịch chứng khoán và các mật khẩu truy cập phù hợp với những thông tin Bên A cung cấp;
- Nhân viên giao dịch/hệ thống giao dịch của Bên B chỉ thực hiện lệnh giao dịch khi Bên A cung cấp đúng và đầy đủ các thông tin nhận dạng bao gồm họ tên, số CMND/Hộ chiếu, số tài khoản chứng khoán, mã số giao dịch hoặc các mật khẩu truy cập phù hợp với những thông tin mà Bên A đã đăng ký với Bên B.
- Khi đặt lệnh bằng hình thức giao dịch qua Fax, Email, Điện thoại, ETS và Bloomberg, Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B hoàn tất nội dung và ký tên xác nhận phiếu lệnh phù hợp với yêu cầu đặt lệnh của Bên A và cam kết thừa nhận các kết quả giao dịch phát sinh từ hoạt động ủy quyền nói trên trong mọi trường hợp.

5.3 Đối với hình thức giao dịch trực tuyến (STrade)

- Khi đặt lệnh bằng hình thức giao dịch trực tuyến (STrade), Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B hoàn tất nội dung và ký tên xác nhận đăng ký quyền mua đối với STrade và trên phiếu lệnh phù hợp với yêu cầu đặt lệnh của Bên A và cam kết thừa nhận các kết quả giao dịch phát sinh từ hoạt động ủy quyền nói trên trong mọi trường hợp.
- Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo mật mã số giao dịch và/hoặc mật khẩu truy cập và bảo quản OTP Token của mình khi giao dịch chứng khoán trực tuyến từ xa và chịu mọi thiệt hại, mất mát phát sinh do mã số giao dịch hoặc mật khẩu truy cập bị tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào hoặc do OTP Token bị thất lạc vì bất cứ lý do nào. Trong trường hợp nghi ngờ đã để lộ mã số giao dịch, mật khẩu truy cập, OTP Token bị thất lạc hoặc mất cắp, Bên A phải thông báo ngay với Bên B bằng văn bản. Bên A phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch đang diễn ra hoặc đã được thực hiện trước khi Bên B có xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận được thông báo của Bên A.

Điều 6. Giới hạn trách nhiệm

Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào phát sinh do:

- (i) Bên A cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác dẫn đến không thực hiện được giao dịch;
- (ii) Lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm nhưng không giới hạn cả những đối tác của Bên B trong việc cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến từ xa;
- (iii) Lỗi của hệ thống hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan;
- (iv) Bên B thực hiện chậm trễ hay không thể thực hiện được trách nhiệm của mình theo đúng các điều khoản và quy định sử dụng dịch vụ này do có sự trục trặc về máy móc, xử lý dữ liệu, thông tin viễn thông hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo.

Điều 7. Quyền của Bên A

Theo hợp đồng này, Bên A có các quyền sau:

- 7.1** Thông qua Bên B đặt các loại lệnh giao dịch chứng khoán.
- 7.2** Nhận bản sao kê các lệnh đặt trong tháng của tài khoản Bên A từ Bên B theo yêu cầu. Thụ hưởng các quyền khác về tài khoản giao dịch phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đang có hiệu lực thi hành.
- 7.3** Nhận hóa đơn liên quan tới các khoản phí giao dịch của Bên A phát sinh trong tháng từ Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi kết thúc tháng.

Điều 8. Nghĩa vụ của Bên A

- 8.1** Bên A cam đoan những thông tin được liệt kê tại hợp đồng này và trong giấy đề nghị mở tài khoản giao dịch chứng khoán & đăng ký sử dụng dịch vụ là đúng sự thật, Bên A có nghĩa vụ phải thông báo cho Bên B về bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thông tin này. Trường hợp có thông tin sai sự thật hoặc không chính xác thì Bên A chịu hoàn toàn thiệt hại do sai sót của Bên A cung cấp.
- 8.2** Đảm bảo tính hợp pháp của số tiền và chứng khoán mà Bên A đang sở hữu.
- 8.3** Thanh toán phí giao dịch, phí hoa hồng môi giới và các khoản phí khác đối với giao dịch do Bên B thực hiện theo lệnh của Bên A.
- 8.4** Đảm bảo có đủ chứng khoán yêu cầu bán trong tài khoản lưu ký trước mỗi giao dịch bán; và đủ tiền để mua và phí giao dịch trong tài khoản lưu ký trước mỗi giao dịch mua. Bên B chỉ thực hiện lệnh giao dịch của Bên A khi các yêu cầu trên được đảm bảo.
- 8.5** Tuân thủ các quy định về chứng khoán và giao dịch chứng khoán do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành.

- 8.6** Mặc nhiên chấp nhận kết quả giao dịch do bên B thực hiện theo lệnh của bên A theo các phương thức giao dịch đã thỏa thuận hoặc đã đăng ký.
- 8.7** Hoàn thành mọi nghĩa vụ, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ thanh toán các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam và trong thời hạn Bên B yêu cầu.
- 8.8** Bồi thường mọi thiệt hại phát sinh trong trường hợp Bên A có hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch chứng khoán với bất kỳ lý do gì.

Điều 9. Quyền của Bên B

- 9.1** Nhận phí hoa hồng, phí tư vấn và các khoản phí khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
- 9.2** Bên B được quyền từ chối thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán của Bên A khi lệnh không hợp lệ.
- 9.3** Trong trường hợp Bên A không thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch được thực hiện theo lệnh của Bên A, Bên B được phép sử dụng số dư trên tài khoản, chọn và bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Bên A để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh đó (hoặc chỉ định ngân hàng lưu ký thực hiện các việc đó cho Bên B). Nếu số tiền và chứng khoán trong tài khoản của Bên A không đủ để thực hiện nghĩa vụ, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh do việc không tuân thủ theo quy định.
- 9.4** Thực hiện phong toả tương ứng với tổng giá trị chứng khoán mà bên A đặt lệnh giao dịch cùng các khoản thuế, phí tương ứng theo quy định của bên B và quy định của pháp luật Việt Nam trên tài khoản giao dịch chứng khoán của bên A và/hoặc tài khoản ngân hàng được sử dụng vào mục đích giao dịch chứng khoán của bên A và/hoặc một tài khoản nào khác do bên A chỉ định.
- 9.5** Bên A bằng hợp đồng này đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho Bên B được:
- (i) Được trích, chuyển các khoản tiền phát sinh từ giao dịch chứng khoán do bên A đặt lệnh giao dịch cùng các khoản thuế, phí tương ứng theo quy định của bên B và quy định của pháp luật Việt Nam từ tài khoản giao dịch chứng khoán của bên A và/hoặc tài khoản ngân hàng được sử dụng vào mục đích giao dịch chứng khoán của bên A và/hoặc một tài khoản nào khác do bên A chỉ định. Nếu tiền và chứng khoán trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của bên A vẫn không đủ để thực hiện các nghĩa vụ của bên A, bên B có quyền yêu cầu bên A sử dụng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên A để thực hiện nghĩa vụ của mình.
- (ii) Được kiểm tra số dư trên tài khoản giao dịch chứng khoán của bên A và/hoặc tài khoản ngân hàng được sử dụng vào mục đích giao dịch chứng khoán của bên A và/hoặc một tài khoản nào khác do bên A chỉ định khi bên A đặt lệnh giao dịch chứng khoán hoặc các giao dịch phát sinh khác cần kiểm tra số dư tiền.
- 9.6** Bên B được chấm dứt hợp đồng khi Bên A vi phạm nghĩa vụ tại điều 8 theo hợp đồng này.

Điều 10. Nghĩa vụ của Bên B

- 10.1** Thực hiện các lệnh giao dịch theo yêu cầu của Bên A phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 10.2** Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Bên A theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 10.3** Giữ bí mật thông tin về tài khoản và giao dịch cho Bên A trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của pháp luật.
- 10.4** Gửi các thông báo về giao dịch của Bên A khi giao dịch được thực hiện và theo thỏa thuận giữa các Bên.
- 10.5** Thông báo cho Bên A về các sai sót, nhầm lẫn nếu có trong thông báo kết quả giao dịch đã gửi cho Bên A trong thời gian sớm nhất sau khi phát hiện (trong ngày hoặc một ngày sau khi gửi thông báo giao dịch có sai sót hoặc nhầm lẫn).
- 10.6** Bồi thường thoả đáng cho Bên A trong trường hợp có sai sót gây thiệt hại thực tế do lỗi của Bên B khi thực hiện lệnh giao dịch trên cơ sở thương lượng.
- 10.7** Cung cấp các thông tin do phòng nghiệp vụ của Bên B thực hiện cho Bên A trong khả năng của Bên B.

Điều 11. Quan hệ ủy quyền

Trong trường hợp Bên A muốn ủy quyền cho Bên thứ ba thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài khoản của mình, Bên A phải lập ủy quyền theo mẫu do Bên B cung cấp. Nội dung và phạm vi ủy quyền phải được ghi rõ trong Hợp đồng ủy quyền Bên A cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền và không có bất cứ khiếu nại nào về mọi hành vi mà người được ủy quyền nhân danh Bên A thực hiện trong phạm vi nội dung đã ủy quyền.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

Tranh chấp phát sinh trong Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng và hòa giải. Trường hợp thương lượng và hòa giải không thành, các bên đưa tranh chấp ra cơ quan trọng tài hoặc TAND TP.HCM hoặc TAND do Bên B lựa chọn để xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thông báo mặc định

- 13.1** Khi ký tên vào hợp đồng này, Bên A mặc nhiên thừa nhận giá cả chứng khoán có thể và luôn luôn biến động, và một chứng khoán bất kỳ đều có thể lên giá hoặc xuống giá, và trong một số trường hợp có thể hoàn toàn vô giá trị. Bên A công nhận rằng luôn có một rủi ro tiềm tàng khi mua và bán chứng khoán.
- 13.2** Khi ký tên vào hợp đồng này, Bên A thừa nhận rằng việc đặt lệnh giao dịch chứng khoán qua Internet và/hoặc qua điện thoại luôn tồn tại những rủi ro tiềm ẩn do lỗi của hệ thống hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác. Bên A cam kết chấp nhận rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác

phát sinh từ việc giao dịch qua Internet và/hoặc qua điện thoại do lỗi của hệ thống hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác hoặc do hành vi của khách hàng ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán hoặc sử dụng Tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A.

13.3 Khi ký tên vào hợp đồng này, Bên A thừa nhận Bên B đã thông báo đầy đủ với Bên A về chức năng, giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện ký hợp đồng của Công ty.

13.4 Bên A cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các hướng dẫn, quy định của Bên B về việc sử dụng tài khoản và các phương thức giao dịch.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

14.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Mọi sửa đổi bổ sung hợp đồng phải được chấp thuận của cả hai bên bằng văn bản.

14.2 Hợp đồng được chấm dứt trước hạn trong trường hợp:

- Do sự thỏa thuận của hai Bên;
- Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ và thanh toán các khoản phí cho Bên B và các khoản thuế theo quy định của pháp luật;
- Khi Bên A và/hoặc Bên B bị mất tư cách pháp nhân như giải thể, phá sản...Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của các bên phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã giao kết trước khi hợp đồng chấm dứt;
- Một trong các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do trường hợp bất khả kháng xảy ra.
- Một trong các Bên vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng này và việc tiếp tục duy trì Hợp đồng này là bất lợi nghiêm trọng cho bên bị vi phạm.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)